

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày 10-9-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vàng Xuân Hiệp;

Thẩm phán: Bà Phan Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Thuận;

Ông Phạm Đức Chín;

Bà Vũ Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Út – Thư ký TAND tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà
Vùi Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Đức T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12 tháng 01 năm 1974 tại huyện HH, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Đội 12B, xã TY, huyện DB, tỉnh DB; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức L, sinh năm 1948 và con bà: Đỗ Thị G, sinh năm 1950; có vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (đã ly hôn năm 2010) và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 94/2013/HSST, ngày 05/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên xử phạt Nguyễn Đức T 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2012, đến ngày 02/9/2014 Nguyễn Đức T được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù 02 tháng và trở về địa phương sinh sống, đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay “có mặt”.

2/ Họ và tên: Đỗ Văn N, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1983 tại tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Tổ 1, phường NT, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên. nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn H (đã chết) và con bà: Vũ Thị Nh, sinh năm 1958; có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (đã ly hôn năm 2010) và 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 86/2011/HSST, ngày 31/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt Đỗ Văn N 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999, đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay “có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Công Hưởng - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 15 phút, ngày 29/4/2018, tổ công tác Phòng PC47 – Công an tỉnh Lai Châu làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 5, phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân với nội dung: có hai đối tượng là nam giới đang mang ma túy đến nhà khách HP thuộc tổ 5, phường TP để giao dịch mua bán. Tổ công tác đã triển khai lực lượng đến nhà khách Hương Phong để tiến hành xác minh tin báo. Qua kiểm tra, xác minh hai đối tượng nghi vấn tại tiền sảnh tầng 3 của nhà khách là Đỗ Văn N và Nguyễn Đức T. Yêu cầu kiểm tra, phát hiện Ngọc đang xách trên tay 01 túi màu đỏ bên trong có 01 chiếc hộp hình vuông có chứa 01 bánh chất bột màu trắng và 20 gói nhỏ màu xanh bên trong có các viên nén màu hồng + xanh. Theo N và T khai nhận đó là Heroine và ma túy tổng hợp của T và N cùng nhau mang đến Lai Châu để bán kiếm lời.

Quá trình điều tra Nguyễn Đức T, Đỗ Văn N đã khai nhận: Khoảng tháng 02/2018 N có quen biết với một người đàn ông tên là Lâm ở thành phố Lai Châu nhưng N không biết địa chỉ cụ thể của L. Đến tháng 3/2018, Lâm đi sang Điện Biên chơi thì gặp N tại thành phố ĐB, tỉnh Điện Biên và L có hỏi N có ma túy bán không thì bán cho L. N nói là không có. Sau đó, N có dẫn L đi vào nhà T ở xã TY, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên chơi để làm quen với T. Tại nhà của T, Lâm có giới thiệu với T một người anh trai của L đang có nhu cầu muốn mua ma túy, sau đó L về Lai Châu.

Đến khoảng giữa tháng 4/2018, L gọi điện cho N mời T và N sang Lai

Châu chơi để gặp anh trai L, mục đích là để trao đổi làm ăn (mua bán ma túy). Sau đó, N và T đã sang thành phố Lai Châu chơi và được Lra đón về nhà khách HP ở thành phố Lai Châu để nghỉ. Trưa ngày hôm sau, tại một quán karaoke, L giới thiệu người anh trai của L tên là P với T và N để trao đổi việc mua bán ma túy. Qua nói chuyện, P đặt vấn đề mua ma túy của T và N. P bảo với T là Heroine thì P trả giá 170 triệu đến 180 triệu đồng/01 bánh, còn hồng phiến thì trả giá 08 triệu/01 gói. T đồng ý và trao đổi với P số điện thoại để liên lạc khi tìm được ma túy. Khi về đến Điện Biên, T bảo với N khi nào T tìm được ma túy thì T sẽ thông báo với N để cùng nhau mang ma túy sang Lai Châu bán cho P, N đồng ý.

Đến ngày 26/4/2018, T mang theo số tiền 40 triệu đồng đi bộ sang khu vực biên giới giáp ranh giữa Việt Nam và Lào thuộc địa phận xã PT, huyện Đ B để tìm mua ma túy. Tại đây, T đã mua được 01 bánh Heroine của một người đàn ông dân tộc M, quốc tịch Lào (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 130 triệu đồng và 20 gói Hồng phiến với giá 06 triệu đồng/01 gói. T trả trước cho người đàn ông đó 40 triệu đồng, số tiền nợ lại hẹn khi nào bán được ma túy sẽ trả nốt. Sau đó, T mang số ma túy đó về đến nhà và mang cất giấu ở ngoài vườn nhà T không cho ai biết, mục đích là để bán kiếm lời.

Đến ngày 28/4/2018, T lấy một hộp bìa catton hình vuông cho toàn bộ 01 bánh Heroine và 20 gói Hồng phiến cất giấu vào trong hộp đây kín nắp lại, sau đó lấy một chiếc túi màu đỏ có quai xách cho toàn bộ chiếc hộp có chứa ma túy vào bên trong chiếc túi đỏ. Khoảng 15h cùng ngày, T gọi điện thoại rủ N mang ma túy sang Lai Châu bán cho P, nếu bán được T sẽ cho N một ít tiền, N đồng ý. Sau đó, N đón xe taxi đi đến nhà T, tại đây T đưa N sách túi màu đỏ bên trong có ma túy, đến khoảng 18h cùng ngày cả hai đi taxi ra bến xe khách tỉnh Điện Biên để đón xe khách chạy tuyến Điện Biên – Lào Cai để đến Lai Châu. Lúc lên xe N xách túi ma túy lên xe khách và để cạnh giường N nằm. Trước khi đi, T có gọi điện báo trước cho Pg là sẽ mang ma túy sang bán, P nhất trí mua. Khoảng 01 giờ ngày 29/4/2018, T và N xuống xe ở đầu thành phố Lai Châu, T gọi P ra đón. Đợi một lúc thì thấy P đi xe ô tô màu trắng, loại xe 04 chỗ ra đón. Khi lên xe, N xách chiếc túi màu đỏ bên trong có ma túy lên xe ngồi ở hàng ghế sau, P hỏi T cho xem hàng (tức ma túy), T bảo N đưa túi màu đỏ bên trong có ma túy cho P xem. Sau khi kiểm tra xong, P đưa chiếc túi màu đỏ cho Ngọc cầm rồi lái xe chở T và N về nhà khách Hương Phong. Khi đến nhà khách, P đưa chìa khóa phòng 313 và bảo T và N cứ lên phòng trước đợi P cất ô tô sau đó sẽ lên để giao dịch mua bán. Khi T và N vừa bước ra khỏi thang máy tiền sảnh tầng ba thì bị yêu cầu kiểm tra và phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng.

Tại bản Kết luận giám định số 197/GĐ - KTHS, ngày 05/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Số vật chứng thu giữ của Nguyễn Đức T và Đỗ Văn N gồm 01 (một) bánh chất bột màu trắng có khối

lượng 300 gam là Heroine; 20 (hai mươi) gói viên nén màu hồng + màu xanh có khối lượng 355,8 gam là Methamphetamine.

Bản Cáo trạng số 13/CT - VKS, ngày 16/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xét xử các bị can Nguyễn Đức T và Đỗ Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, không thay đổi, bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả hai bị cáo. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đức Tuyên. Xử phạt mỗi bị cáo mức án tù chung thân. Áp dụng khoản 5 Điều 251 miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 4 Nghị định số 19/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ, đề nghị tịch thu, tiêu hủy tổng khối lượng 626,23 gam ma túy còn lại sau giám định (gồm 298,62 gam Heroine và 327,61 gam Methamphetamine); một chiếc hộp bìa catton hình vuông, một chiếc túi màu đỏ có quai xách là công cụ dùng để đựng ma túy; tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước gồm: 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu SAM SUNG màu bạc, mặt trước màu trắng thu giữ của Tuyên và 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu SAM SUNG vỏ màu đen thu giữ của Ngọc, là công cụ, phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội; trả lại cho Ngọc 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA – X1 vì không sử dụng vào mục đích liên lạc mua bán ma túy.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ bào chữa, cho rằng đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hai bị cáo chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau là chưa phù hợp, cần xem xét phân hóa vai trò trách nhiệm của đồng phạm để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 4 Điều 251 BLHS. Giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hình phạt bị cáo N thấp hơn bị cáo T; trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại NOKIA-X1 màu đen.

Kiểm sát viên đối đáp không nhất trí với đề nghị của người bào chữa về xem xét phân hóa vai trò trách nhiệm của đồng phạm, để giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N thấp hơn bị cáo T và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo Ngọc. Đồng thời giữ nguyên quan điểm luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định khi nghị án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không bổ sung gì và nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến gì với quyết định truy tố và tranh luận với Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, lời khai phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vì tư lợi bất chính, vào khoảng 01 giờ 15 phút, ngày 29/4/2018 tại tầng 3 khách sạn HP thuộc tổ 5, phường TP, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, Nguyễn Đức T và Đỗ Văn N đang mang 300 gam Heroine và 355,8 gam Methamphetamine để bán trái phép thì bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước ta đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an, an toàn xã hội của địa phương và đây còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc mua bán ma túy là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vì ham lợi bất chính mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS. Vì vậy, bản cáo trạng và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét, trên cơ sở các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về nhân thân các bị cáo đã bị kết án một lần về tội ma túy và đã được xóa án tích. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T có (Bố, mẹ đẻ) đã tham gia hoạt động kháng chiến chống mỹ cứu nước (bố bị nhiễm chất độc hóa học), được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huy chương, Kỷ niệm chương; gia đình bị cáo N có thân nhân (chú ruột và em trai của ông ngoại là liệt sĩ). Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Xét tính chất đồng phạm: Đối với đề nghị của người bào chữa về xem xét phân hóa vai trò trách nhiệm của đồng phạm, để giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N thấp hơn bị cáo Tn: Nhận thấy tuy N không phải là người trực tiếp mua ma túy, nhưng N lại là người biết L trước đó và qua N giới thiệu thì T mới biết L và P. T là người thực hành tích cực trực tiếp đi mua ma túy, N có vai trò giúp sức và trực tiếp mang ma túy cùng T sang Lai Châu để bán cho P. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa. Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hai bị cáo có vai trò ngang nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vĩnh viễn vô thời hạn, mới đủ để trừng phạt và làm gương cho những kẻ khác đang có ý định phạm tội, đồng thời đảm bảo tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung, giữ gìn kỷ cương pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xét thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định (626,23 gam) là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; 01 chiếc hộp bìa catton hình vuông; 01 chiếc túi màu đỏ có quai xách là công cụ dùng để đựng ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc ĐTĐĐ nhãn hiệu SAM SUNG, màu bạc, mặt trước màu trắng thu giữ của Nguyễn Đức T và 01 chiếc ĐTĐĐ nhãn hiệu SAM SUNG, vỏ màu đen thu giữ của Đỗ Văn N là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 chiếc ĐTĐĐ nhãn hiệu

NOKIA – X1 thu giữ của Đỗ Văn N, do không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về những vấn đề khác: Về hai người đàn ông tên L và P ở thành phố Lai Châu là người đặt mua ma túy của T và N. Kết quả điều tra T và N khai không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của L và P nên không xác định được là ai; về người đàn ông dân tộc Mông, quốc tịch Lào là người đã bán ma túy cho T vào ngày 26/4/2018. Kết quả điều tra Tuyên khai không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Đỗ Văn N phạm tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Đức T tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/4/2018.
- Đỗ Văn N tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 29/4/2018.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy gồm: Tổng khối lượng 626,23 gam ma túy (gồm 298,62 gam Heroine + 327,61 gam Methamphetamine) còn lại sau giám định; một chiếc hộp bìa cattong hình vuông; một chiếc túi màu đỏ có quai xách.

- Tuyên tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu bạc, mặt trước màu trắng, màn hình màu đen có gắn thẻ sim, số IMEI: 355228/08/016181/1, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong thu giữ của Nguyễn Đức T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đen, có gắn thẻ sim, đằng sau vỏ máy có ghi số IMEI: 356209/06/603546/7, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong thu giữ của Đỗ Văn N.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA – X1 màu đen có gắn thẻ sim, số IMEI 1: 352861/05/157652/7, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 17/7/2018 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T và Đỗ Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai, báo cho các bị cáo Nguyễn Đức T, Đỗ Văn N biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2018)/.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- PC81B, PV27, PC47 CA tỉnh Lai Châu;
- NBC, Sở tư pháp;
- Lưu HS – HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vàng Xuân Hiệp